

Số: /BC-UBND

Trà Câu, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

**Báo cáo kết quả sơ kết 01 năm thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW
trên địa bàn phường Trà Câu**

Thực hiện Công văn số 2959/SGDDĐT-VP ngày 22/5/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo kết quả 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; UBND phường Trà Câu báo cáo nội dung trên cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN (từ tháng 8/2025 đến tháng 6/2026)

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách và đổi mới quản trị giáo dục

- Kết quả rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền địa phương:

UBND phường đã triển khai, quán triệt Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị; Chương trình số 04-CT/TU ngày 14/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; bảo đảm toàn hệ thống chính trị trong phường nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo; nâng cao vai trò, trách nhiệm, đổi mới tư duy và hành động của các cơ quan, đơn vị đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Các chế độ, chính sách đối với học sinh, giáo viên và cơ sở giáo dục được thực hiện tương đối đầy đủ, kịp thời theo quy định của Nhà nước. Công tác phổ cập giáo dục, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo tiếp tục được quan tâm thực hiện. Địa phương đã chú trọng lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án, nhất là các Chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư cơ sở vật chất trường học, mua sắm trang thiết bị dạy học, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm triển khai, huy động sự tham gia của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong việc chăm lo cho sự nghiệp giáo dục.

- Thực hiện các chính sách phân bổ ngân sách nhà nước cho giáo dục, ưu tiên bố trí quỹ đất, trụ sở dôi dư cho giáo dục.

- Kết quả thực hiện phân cấp, phân quyền; cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục: Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý giáo dục theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp. UBND phường đã tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện các văn bản, hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo về phân cấp, phân quyền cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục, từng bước triển khai thực hiện theo quy định.

- Đổi mới công tác quản trị cơ sở giáo dục: Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, phát huy tính sáng tạo, đổi mới nâng cao chất lượng dạy và học.

2. Đối với giáo dục mầm non

2.1. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non

- Quy hoạch, sắp xếp mạng lưới trường, lớp: UBND phường duy trì ổn định quy mô trường lớp, mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn phường.

- Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ, mẫu giáo: Huy động trẻ nhà trẻ đạt 30%, trẻ em mẫu giáo đạt 75%, trẻ em 5 tuổi đạt 100%.

2.2. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em

- Việc xây dựng và triển khai Chương trình giáo dục mầm non: Chỉ đạo các trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế và theo yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Công tác bảo đảm an toàn cho trẻ: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ được nâng cao, công tác theo dõi sức khoẻ định kỳ được triển khai thực hiện đầy đủ, các hoạt động giáo dục được tổ chức theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, tăng cường hoạt động trải nghiệm, phát triển phẩm chất và năng lực trẻ.

- Giáo dục hòa nhập: Công tác giáo dục hoà nhập được quan tâm thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được tham gia các hoạt động học tập, vui chơi cùng trẻ em bình thường.

2.3. Chuyển đổi số trong giáo dục mầm non

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý: Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và phong trào “Bình dân học vụ số” trong các cơ sở giáo dục, tiếp tục triển khai và thực hiện tốt chuyển đổi số trong công tác điều hành, quản lý.

- Học liệu số và kho học liệu dùng chung: Các cơ sở giáo dục tích cực triển khai phát triển, sử dụng học liệu số, hình thành kho học liệu số phục vụ giảng dạy và học tập; giáo viên tích cực tham gia đóng góp học liệu số để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của các tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng tạo môi trường học tập đa dạng, phong phú.

3. Đối với giáo dục phổ thông

3.1. Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Tổ chức thực hiện chương trình: Các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện nghiêm túc các quy định về xây dựng kế hoạch dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực

học sinh. Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế bài giảng, chủ động học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn.

- Điều kiện bảo đảm thực hiện chương trình: Cấp uỷ, chính quyền địa phương luôn xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ quản lý, giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và dạy học; đầu tư cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình. Tuy nhiên vẫn còn một số khó khăn vướng mắc như: Một số danh mục thiết bị dạy học tối thiểu, cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa được trang bị đầy đủ; học liệu số phục vụ dạy học còn hạn chế; việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm ứng dụng STEM, STEAM đôi lúc còn gặp khó khăn do điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, kinh phí còn hạn chế...

3.2. Công tác sách giáo khoa và học liệu

- Tình hình triển khai sử dụng bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc: Thực hiện các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo về sử dụng bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc. UBND phường đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai việc sử dụng bộ sách giáo khoa thống nhất theo quy định; cán bộ quản lý, giáo viên chủ động tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn việc sử dụng sách giáo khoa thống nhất toàn quốc. Đồng thời tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn để trao đổi, thống nhất phương pháp giảng dạy, xây dựng kế hoạch bài giảng, trao đổi.

- Khó khăn, vướng mắc: Cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa được trang bị đầy đủ; kho học liệu số còn hạn chế, chưa đa dạng, phong phú, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu dạy và học.

- Kiến nghị, đề xuất: Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện kho học liệu số dùng chung; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số giáo dục.

3.3. Công tác đổi mới kiểm tra, đánh giá và thi cử

- Triển khai Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT: Các cơ sở giáo dục triển khai nghiêm túc Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT. Tăng cường đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Các mô hình, giải pháp đổi mới kiểm tra, đánh giá: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra đánh giá bằng các hình thức trực tuyến.

- Kết quả ứng dụng công nghệ số trong kiểm tra, đánh giá: 100% giáo viên và học sinh sử dụng hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong kiểm tra đánh giá trực tuyến.

- Đề xuất, kiến nghị về đánh giá học sinh trên máy tính và xây dựng ngân hàng câu hỏi dùng chung: Xây dựng ngân hàng câu hỏi chung cho từng môn

học, ngân hàng câu hỏi cập nhật thường xuyên, đảm bảo khoa học và chính xác có khả năng khai thác, sử dụng linh hoạt phục vụ cho công tác ôn tập, kiểm tra thường xuyên và định kỳ; có hướng dẫn thống nhất chung về kiểm tra, đánh giá trực tuyến.

3.4. Công tác phát triển giáo dục STEM, ngoại ngữ và năng lực số

- Triển khai giáo dục STEM, STEAM: Thực hiện chủ trương đổi mới giáo dục và định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, các cơ sở giáo dục chủ động triển khai giáo dục STEM gắn với thực tiễn dạy học. Chủ động lồng ghép nội dung STEM vào các môn học như Khoa học tự nhiên, toán, CNTT, Mỹ thuật, Âm nhạc ... và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; tổ chức và khuyến khích học sinh tham gia thực hành thí nghiệm, thiết kế mô hình, nghiên cứu khoa học kỹ thuật và ứng dụng thực tiễn, qua đó phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác và năng lực vận dụng kiến thức liên môn...

- Dạy học ngoại ngữ và dạy học một số môn bằng tiếng Anh (nếu có): Các cơ sở giáo dục luôn chú trọng triển khai dạy học ngoại ngữ bằng nhiều hình thức phong phú như tổ chức các hoạt động trải nghiệm CLB ngoại ngữ nhằm nâng cao năng lực giao tiếp cho học sinh, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng các nguồn học liệu số phong phú nhằm nâng cao khả năng tương tác, giao tiếp cho học sinh. Phong trào học ngoại ngữ được đẩy mạnh thông qua các sân chơi trí tuệ trực tuyến trên Internet như cuộc thi Olympic Tiếng Anh trên Internet (IOE).

- Triển khai năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục:

Các cơ sở giáo dục tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh về vai trò của công nghệ, hình thành ý thức "công dân số" gắn liền với xu hướng giáo dục hiện đại, học sinh bước đầu được tiếp cận, giáo dục về năng lực số thông qua việc khai thác hiệu quả phòng Tin học phục vụ giảng dạy chính khóa và các hoạt động học tập trực tuyến.

Cán bộ quản lý, giáo viên được tạo điều kiện tối đa tham gia các lớp tập huấn trực tuyến, chương trình bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số do các ngành tổ chức. Giáo viên chủ động ứng dụng công nghệ số trong thiết kế bài giảng, xây dựng học liệu số...

3.5. Công tác phát hiện, bồi dưỡng và phát triển nhân tài

- Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi: Các cơ sở giáo dục luôn chú trọng đến công tác bồi dưỡng, tạo nguồn phát triển học sinh giỏi, chỉ đạo các tổ chuyên môn chủ động rà soát, phát hiện những học sinh có năng khiếu, tư duy nổi bật qua các tiết học chính khóa và các kỳ kiểm tra định kỳ để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kịp thời, phù hợp; phân công các giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao chịu trách nhiệm phụ trách các đội tuyển học sinh giỏi; đồng thời duy trì nề nếp sinh hoạt chuyên môn, nghiên cứu bài học sâu sát nhằm tìm ra các phương pháp giảng dạy tối ưu, phát huy tối đa năng lực tự học và sáng tạo của học sinh.

- Kết quả tham gia các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế: Bên cạnh các kỳ thi văn hóa cấp tỉnh, các cơ sở giáo dục tích cực tạo điều kiện, động viên học sinh tham gia các sân chơi trí tuệ, cuộc thi tìm hiểu do cấp Bộ tổ chức và đã đạt được những kết quả ở quy mô toàn quốc như:

+ Học sinh trường THCS Phổ Thuận đạt 01 giải Khuyến khích cấp Bộ Cuộc thi "An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai". Đạt 01 giải Khuyến khích cấp Bộ Cuộc thi "Vươn cao ước mơ" (quy mô cấp quốc gia/cấp Bộ);

+ Trường THCS Phổ Quang: Đạt 01 Huy chương Bạc + 01 Huy chương Đồng giải Olympic tiếng Anh Đông Nam Á (quy mô quốc tế); cuộc thi IOE cấp quốc gia đạt 08 giấy chứng nhận hoàn thành tốt; 01 học sinh được cấp giấy chứng nhận cấp quốc gia cuộc thi vẽ tranh “Chiếc ô tô mơ ước”; 08 học sinh được cấp giấy chứng nhận cấp quốc gia cuộc thi vẽ tranh “Ngôi nhà mơ ước”; 01 học sinh đạt giải khuyến khích cấp Trung ương cuộc thi viết “Cây bút tuổi hồng”.

3.6. Chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông

- Cơ sở dữ liệu ngành: 100% cơ sở giáo dục triển khai đồng bộ cập nhật và khai thác hiệu quả hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành và sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý trường học, học bạ điện tử, sổ điểm điện tử... góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tính chính xác, kịp thời.

- Học liệu số: 100% cơ sở giáo dục xây dựng kho học liệu số dùng chung trên phần mềm SMAS để lưu trữ kế hoạch bài dạy, đề kiểm tra, ngân hàng câu hỏi, video bài giảng và các tài liệu chuyên môn. Đội ngũ giáo viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp giảng dạy, chủ động thiết kế bài giảng điện tử, trình chiếu và khai thác hiệu quả kho học liệu số, video, hình ảnh trực quan nhằm nâng cao chất lượng giờ dạy, tích cực xây dựng ngân hàng câu hỏi, chia sẻ tài nguyên và học liệu số dùng chung trong phạm vi các tổ chuyên môn để nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên đề.

- Hạ tầng công nghệ thông tin:

100% cơ sở giáo dục đều lắp đặt hệ thống mạng internet kết nối phục vụ công tác giảng dạy và quản lý điều hành; đầu tư, trang bị trang thiết bị cần thiết tại các lớp học phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy trực quan.

Hệ thống phòng máy Tin học được duy trì, bảo trì thường xuyên và khai thác có hiệu quả, đáp ứng tốt cho việc dạy học môn Tin học chính khóa và tổ chức các cuộc thi, hoạt động học tập trực tuyến của học sinh.

- Mô hình trường học số, lớp học thông minh:

Các cơ sở giáo dục từng bước xây dựng "trường học số", đẩy mạnh việc trao đổi văn bản, thông tin chuyên môn, điều hành công việc chủ yếu qua môi trường số như thư điện tử công vụ, hệ thống quản lý văn bản...

Thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong công tác tài chính trường học: triển khai 100% thanh toán không dùng tiền mặt trong thực hiện các khoản thu...

3.7. Công bằng trong tiếp cận giáo dục

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục:

+ Kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: Đạt.

+ Phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3.

+ Phổ cập giáo dục Trung học cơ sở đạt mức độ 3.

+ Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ đạt mức độ 2.

- Chính sách hỗ trợ người học: Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách hỗ trợ học sinh theo quy định của Nhà nước; quan tâm giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật học hòa nhập và học sinh thuộc diện chính sách thông qua các hoạt động hỗ trợ về vật chất, tinh thần, tạo điều kiện thuận lợi để các em được học tập, rèn luyện và phát triển toàn diện.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả nổi bật

Nhìn chung sau 01 năm thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn phường Trà Câu được triển khai hiệu quả, đồng bộ, có nhiều sự đổi mới, tiến bộ; đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên nhiệt tình, năng động, sáng tạo; có khả năng tiếp cận nhanh với công nghệ thông tin, tận tụy với công việc, tâm huyết với nghề nghiệp; chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên từng bước được nâng cao. Cấp uỷ, chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo thường xuyên đối với các cơ sở giáo dục về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng số, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy, góp phần nâng cao hiệu quả công việc.

Bên cạnh những mặt tích cực, cũng còn một số hạn chế, khó khăn ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động như: Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong công tác dạy và học.

- Những mô hình, giải pháp hiệu quả có thể nhân rộng:

Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và dạy học. Triển khai phần mềm quản lý trường học (phần mềm quản lý học sinh SMAS); Ứng dụng AI trong giảng dạy và quản trị nhà trường.

Xây dựng kho học liệu số và chia sẻ tài nguyên giáo dục trong nhà trường.

Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống gắn với thực tiễn.

2. Tồn tại, hạn chế

- Các nhiệm vụ triển khai còn chậm:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyển đổi số và triển khai các mô hình giáo dục hiện đại.

Việc chuyển đổi số trong quản lý và dạy học tuy đã có nhiều chuyển biến nhưng chưa đồng đều giữa các cơ sở giáo dục; kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin của một số giáo viên còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai.

Công tác xây dựng, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu, học liệu số chưa thật sự phong phú; việc chia sẻ, sử dụng học liệu số tại một số cơ sở giáo dục chưa thường xuyên.

- Những khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn: Việc huy động các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đổi mới giáo dục và chuyển đổi số còn gặp nhiều khó khăn.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

Nghị quyết số 71-NQ/TW là chủ trương mới, phạm vi triển khai rộng, nhiều nội dung liên quan đến đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, cải cách hành chính và chuyển đổi số nên cần có thời gian để nghiên cứu, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện.

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ quản lý và giảng dạy còn hạn chế; kinh phí đầu tư cho chuyển đổi số và hiện đại hóa công tác quản lý chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn.

Một số phần mềm quản lý giáo dục, cơ sở dữ liệu ngành chưa thật sự đồng bộ, đôi lúc xảy ra lỗi kỹ thuật, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc.

- Nguyên nhân chủ quan:

Công tác kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện tại một số cơ sở giáo dục chưa được tiến hành thường xuyên; một bộ phận cán bộ, giáo viên còn tâm lý ngại thay đổi, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số chưa đồng đều, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai một số nhiệm vụ; công tác tự nghiên cứu, cập nhật văn bản pháp luật mới của một số cá nhân chưa thật sự chủ động.

4. Bài học kinh nghiệm

Qua 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, một số bài học kinh nghiệm cần rút ra như sau:

- Một là, cần phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của cả hệ thống chính trị; sự chỉ đạo quyết liệt, sâu sát của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết.

- Hai là, công tác tuyên truyền, quán triệt phải được thực hiện thường xuyên giúp cán bộ, đảng viên, giáo viên và nhân viên nhận thức đầy đủ ý nghĩa, mục tiêu và yêu cầu của Nghị quyết, từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

- Ba là, cần gắn việc thực hiện Nghị quyết với nhiệm vụ chính trị trong nhà trường, cải cách hành chính, chuyển đổi số, đổi mới quản trị trường học và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Bốn là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để có giải pháp tháo gỡ; đồng thời biểu dương, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả.

- Năm là, quan tâm bồi dưỡng năng lực chuyên môn, kỹ năng số, kiến thức pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giáo viên; phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, đổi mới sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

- Sáu là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác hiệu quả các nền tảng số trong quản lý, điều hành và dạy học, góp phần xây dựng nhà trường hiện đại, công khai, minh bạch và hoạt động hiệu quả.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Xây dựng, hoàn thiện và cung cấp hệ thống học liệu số, ngân hàng câu hỏi dùng chung bảo đảm chất lượng, phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên về chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các phương pháp dạy học hiện đại; Ban hành hướng dẫn cụ thể về việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý giáo dục nhằm bảo đảm hiệu quả, an toàn và phù hợp với thực tiễn.

2. Đề xuất đối với Chính phủ, các bộ, ngành liên quan

Tiếp tục quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ sở giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Có cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số trong giáo dục, đặc biệt đối với các trường ở vùng nông thôn, vùng còn khó khăn. Đồng thời có chính sách khuyến khích, huy động các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư, hỗ trợ phát triển giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

3. Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm giai đoạn 2027 - 2030

Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy và kiểm tra, đánh giá.

Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực số.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng hiện đại.

Xây dựng và khai thác hiệu quả học liệu số, kho học liệu dùng chung phục vụ dạy học.

Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; quan tâm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật học hòa nhập. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục nhằm huy động các nguồn lực hỗ trợ phát triển.

Trên đây là Báo cáo kết quả 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn phường Trà Câu. UBND phường Trà Câu kính báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh;
- CT, PCT UBND phường;
- Phòng Văn hoá - Xã hội phường;
- Các trường học trực thuộc;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Vĩnh